

BÁO CÁO
Về việc thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ
môi trường huyện Sơn Hà năm 2023

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 927/STNMT-MT ngày 26/02/2024 về việc thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; UBND huyện Sơn Hà báo cáo kết quả tự đánh giá về bảo vệ môi trường huyện năm 2023 như sau:

- **Chỉ số 01:** Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%): Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà được tỉnh công nhận là đô thị loại V vào năm 2018 và chưa được đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị, do đó Chỉ số 01 không đánh giá.

- **Chỉ số 02:** Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m³/ngày (24 giờ) trở lên có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%): Hiện nay trên địa bàn huyện Sơn Hà có 01 nhà máy có lượng nước thải từ 50 m³/ngày (24 giờ) trở lên.

Nhà máy tinh bột mì Sơn Hải có hệ thống xử lý nước thải với công suất 2.900 m³/ngày (24 giờ) đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: QCVN 63: 2017/BTNMT.

S T T	Xã	Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày trở lên			Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày trở lên có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường			Tỷ lệ cơ sở SX, KD, DV phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày trở lên có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt QCKT môi trường (%)
		Tổng số	Cơ sở ngoài khu, cụm công nghiệp	Cơ sở nằm trong khu, cụm CN nhưng không đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải của khu, cụm CN	Tổng số	Cơ sở ngoài khu, cụm công nghiệp	Cơ sở nằm trong khu, cụm CN nhưng không đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu, CN nghiệp	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số							
01	Nhà máy tinh bột mì Sơn Hải	01	01	0	01	01	0	100

- **Chỉ số 03:** Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%): Huyện Sơn Hà chưa có khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- **Chỉ số 04:** Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%): huyện Sơn Hà có 01 cụm công nghiệp Sơn Hạ, UBND huyện đang đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp.

- **Chỉ số 05:** Tỷ lệ cơ sở y tế có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%): Trung tâm y tế huyện Sơn Hà có hệ thống xử lý nước thải được UBND tỉnh đánh giá đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường Quốc gia về nước thải y tế QCVN: 28/2010/BTNMT.

- **Chỉ số 06:** Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để: không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023.

- **Chỉ số 07:** Số lượng phương tiện giao thông công cộng trên 10.000 dân đô thị:

Số phương tiện giao thông công cộng được đăng ký lưu hành trên địa bàn huyện (xe)				Số dân khu vực đô thị (Đơn vị tính: 10.000 người)	Số lượng phương tiện giao thông công cộng trên 10.000 dân đô thị
Tổng số	Xe buýt	Ô tô chở khách tuyến cố định	Tàu điện		
1	2	3	4	5	6
13	5	8	0	10.112	9

- **Chỉ số 08:** Số lượng sự cố môi trường do chất thải gây ra: không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023.

- **Chỉ số 09:** Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%): Huyện Sơn Hà xác định chưa có chất thải nguy hại cần phải được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- **Chỉ số 10:** Tỷ lệ các cơ quan nhà nước, đảng, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện; các siêu thị, khu du lịch đã có quy định, cam kết, kế hoạch triển khai về chống rác thải nhựa (%): không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023.

- **Chỉ số 11:** Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn (%): huyện chưa thực hiện được việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; chỉ đang thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý, chôn lấp chất thải sinh hoạt tại các bãi rác đã được quy hoạch.

- **Chỉ số 12:** Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%):

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (tấn)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (tấn)	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (%)

1	2	3
5.860	5.860	100

- **Chỉ số 13:** Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh (%):

STT	Tên khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động theo quy hoạch	Mức độ đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường của bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (tích dấu X vào 1 trong 2 cột)		Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh (%)
		Hợp vệ sinh	Không hợp vệ sinh	
A	B	1	2	3
1	Hồ rác thị trấn Di Lăng	X		100
2	Hồ rác xã Sơn Giang	X		
3	Hồ rác xã Sơn Cao	X		
4	Hồ rác xã Sơn Thủy			
Tổng	3			

- **Chỉ số 14:** Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo: huyện Sơn Hà không có khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo.

- **Chỉ số 15:** Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%): đô thị loại V thị trấn Di Lăng có dân số trung bình 10.112 người; có công trình cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; có khoảng hơn 2.556 hộ gia đình sử dụng, với khoảng trên 5.542 người.

Tổng dân số khu vực đô thị (người)	Dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (người)	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)
1	2	3
10.112	5.542	54,81

- **Chỉ số 16:** Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%):

Tổng số hộ gia đình nông thôn của địa phương (hộ)	Số hộ gia đình nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (hộ)	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)
1	2	3
20.201	6.719	27,14

- **Chỉ số 17:** Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có hồ xí hợp vệ sinh (%): Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2023.

- **Chỉ số 18:** Tỷ lệ diện tích đất của các khu bảo tồn thiên nhiên đã được

thành lập trên tổng diện tích đất quy hoạch cho bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (%): huyện Sơn Hà không có khu bảo tồn thiên nhiên.

- **Chỉ số 19:** Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp:

Diện tích rừng trồng mới tập trung (ha)				Diện tích đất quy hoạch phát triển rừng (ha)				Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch phát triển rừng (%)
Tổng số	Diện tích rừng sản xuất trồng mới	Diện tích rừng phòng hộ trồng mới	Diện tích rừng đặc dụng trồng mới	Tổng số	Diện tích quy hoạch rừng sản xuất	Diện tích quy hoạch rừng phòng hộ	Diện tích quy hoạch rừng đặc dụng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2.640,13	2.640,13			42.575,6	15.396,9	27.178,7		6,201

- **Chỉ số 20:** Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá:

Diện tích rừng tự nhiên bị cháy (ha)	Diện tích rừng tự nhiên bị chặt phá (ha)	Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá (ha)
1	2	3
	0,5	0,5

- **Chỉ số 21:** Sản lượng điện sản xuất từ năng lượng tái tạo:

STT	Tên dự án, nhà máy sản xuất điện từ năng lượng tái tạo đã đi vào vận hành	Địa chỉ	Công suất thiết kế/lắp đặt (MW)	Sản lượng điện năng đã ký hợp đồng mua bán điện và hòa lưới điện trong năm đánh giá (kWh)
A	B	C	D	E
	Tổng số			117.374,145
I	Hệ thống điện mặt trời mái nhà			
1	Phùng Tô Long	Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	0,026	18,2
2	Võ Tấn Dũng	Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	0,018	12,6
3	Phạm Hữu Chính	Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	0,01925	13,475
4	Trần Đình Khanh	Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	0,02	14
5	Công Ty Điện Lực Quảng Ngãi (NLV Sơn Hà)	Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	0,126	88,2
6	Công ty TNHH xây lắp và	Trụ 03 - XT2 - TBA	0,30375	212,625

	dịch vụ thương mại Thanh Niên	Sơn Lãng 1		
7	Công ty cổ phần Sundn	Tại vị trí cột TBA Nhà máy Tinh bột Mỳ Sơn Hải (MBA T2)	2,9745	2082,15
8	Trần Thuận Hải	Trụ 8/8 - XT2 - TBA Sơn Lãng 4.	0,0249	17,43
9	Công ty TNHH MTV An Phúc Toàn Gia	Thị trấn Di Lãng, huyện Sơn Hà	0,02495	17,47
10	Công ty TNHH PW Sơn Hà	Xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà	20,5	14.350,00
11	Công ty TNHH Năng lượng Mộ Đức	Xã Sơn Thượng, huyện Sơn Hà	20,505	14.353,50
12	Công ty TNHH Năng Lượng Duy Xuyên	Xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	20,51	14.357,00
13	Công ty TNHH Năng Lượng Núi Thành	Xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	20,515	14.360,50
14	Công ty TNHH Năng Lượng Phước Sơn	Xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà	20,52	14.364,00
15	Công ty TNHH Năng Lượng Ba Tơ	Xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà	20,525	14.367,50
16	Công ty TNHH ĐTPT Nông Nghiệp Sơn Hà	Xã Sơn Trung, huyện Sơn Hà	20,53	14.371,00

- **Chỉ số 22:** Số trạm quan trắc tự động chất lượng môi trường không khí tại các đô thị loại IV trở lên trên 10.000 dân đô thị: đô thị Di Lãng huyện Sơn Hà là đô thị loại V nên không áp dụng vào chỉ số này và chưa có trạm quan trắc tự động chất lượng môi trường không khí.

- **Chỉ số 23:** Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương theo quy định của pháp luật:

T	Tên cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động	Số lượng hệ thống quan trắc tự động phải lắp đặt		Số lượng hệ thống quan trắc tự động đã lắp đặt		Truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định		Đáp ứng tiêu chí (*)		Tỷ lệ các cơ sở lắp đặt hệ thống quan trắctheo quy định của pháp luật (%)
		Nước thải	Khí thải	Nước thải	Khí thải	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đáp ứng	Không đáp ứng	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	2									
1	Nhà máy mì Sơn Hải	1	1	1	0	1	0	1	0	50
2	Cụm công	1	0	0	0	0	0	0	0	

ng nghiệp Sơn Hạ									
------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

- **Chỉ số 24:** Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường (%):

Tổng chi ngân sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của địa phương trong năm (tỷ đồng)	Tổng chi ngân sách của địa phương trong năm (tỷ đồng)	Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường (%)
1	2	3
3,845	861,402	0,446

- **Chỉ số 25:** Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên 1 triệu dân:

Tổng dân số của địa phương (ĐVT: triệu người)	Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường (người)					Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ BVMT trên 1 triệu dân (người/triệu dân)
	Tổng số	cấp tỉnh	cấp huyện	cấp xã	Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7
79.414	16	0	2	14	0	0,0201

- **Chỉ số 26:** Tỷ lệ xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng: Chưa có.

UBND huyện Sơn Hà kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PTC UBND huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Anh Quang